

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
560/TTr-STNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 16 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế (*Danh mục TTHC kèm theo*).

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC.

2. Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết các TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo các nội dung đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

(<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế TTHC số 1 và TTHC từ số 3 đến số 17 tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT, TT PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Kèm theo Quyết định số: 2506 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	a) Đối với giấy phép khai thác khoáng sản: 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 30 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc. (Giảm 52 ngày làm việc so với quy định) b) Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 35 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	- Đối với giấy phép khai thác khoáng sản và giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: Không.	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Tên mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

		<p>làm việc.</p> <p>c) Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 57 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó:</p> <p>+ Sở Tài nguyên và Môi trường 52 ngày làm việc.</p> <p>+ UBND tỉnh 05 ngày làm việc.</p>			<p>08/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

2	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản 1.004083	Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 07 ngày làm việc. + UBND tỉnh 03 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Tên mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.
3	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò	Không quá 34 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh	Không	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;	- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Thời gian

	khoáng sản 1.004434	Môi trường 29 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc.	Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).		11 năm 2016; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ;	- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	giải quyết; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.
4	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt 1.004433	Không quá 34 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 29 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính; - Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Thời gian giải quyết; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

5	<p>Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản 1.000778</p>	<p>Không quá 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 30 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc. <i>(Giảm 52 ngày làm việc so với quy định)</i></p>	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Công Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</p>	<p>Theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Tên mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>
---	---------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>trưởng Bộ Tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính;- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.		
--	--	--	--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

6	<p>Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản 1.004481</p>	<p>Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 40 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc.</p>	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</p>	<p>Theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Tên mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>
---	-----------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.		
7	<p>Chuyên nhượng quyền thăm dò khoáng sản</p> <p>2.001814</p>	<p>Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó:</p> <p>+ Sở Tài nguyên và Môi trường 40 ngày làm việc.</p> <p>+ UBND tỉnh 05 ngày làm việc.</p>	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế);</p> <p>- Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</p>	<p>Theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>- Thành phần và số lượng hồ sơ;</p> <p>- Tên mẫu đơn, tờ khai;</p> <p>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>

					<p>trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>		
8	<p>Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản 1.005408</p>	<p>Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó:</p> <p>+ Sở Tài nguyên và Môi trường 40 ngày làm việc.</p> <p>+ UBND tỉnh 05 ngày làm việc.</p>	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế);</p> <p>- Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</p>	Không	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>- Thành phần và số lượng hồ sơ;</p> <p>- Tên mẫu đơn, tờ khai;</p> <p>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>

					trường.		
9	<p>Phê duyệt trữ lượng khoáng sản</p> <p>2.001787</p>	<p>Không quá 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó:</p> <p>+ Sở Tài nguyên và Môi trường 30 ngày làm việc.</p> <p>+ UBND tỉnh 05 ngày làm việc.</p> <p><i>(Giảm 149 ngày làm việc so với quy định)</i></p>	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế);</p> <p>- Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</p>	<p>Theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>- Thành phần và số lượng hồ sơ;</p> <p>- Tên mẫu đơn, tờ khai;</p> <p>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>

					2901QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.		
10	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản 2.001783	Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 40 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 91/2021/TT-BTC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Tên mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

					ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.		
11	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản 1.004345	Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 40 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Công Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Tên mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

					<p>BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 2901QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 		
12	<p>Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản 1.004135</p>	<p>Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sở Tài nguyên và Môi trường 40 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần và số lượng hồ sơ; - Tên mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

					26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.		
13	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 2.001781	Không quá 33 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 28 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Tên mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

					08/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.		
14	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 1.004343	Không quá 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 15 ngày làm việc. + UBND tỉnh 03 ngày làm việc.	- - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Công Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Thời gian giải quyết; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

					<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 2901QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 		
15	<p>Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 2.001777</p>	<p>Không quá 21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sở Tài nguyên và Môi trường 18 ngày làm việc. + UBND tỉnh 03 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần và số lượng hồ sơ; - Thời gian giải quyết; - Tên mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý của

			hoặc Công Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).		ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.		thủ tục hành chính.
16	Đóng cửa mỏ khoáng sản 1.004367	Không quá 78 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường 73 ngày làm việc. + UBND tỉnh 05 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế); - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế.	Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ	- Luật Khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và	- Thành phần và số lượng hồ sơ; - Thời gian giải quyết; - Tên mẫu đơn, tờ khai;

			(https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	Môi trường.	- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.
--	--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------	------------------------------------------

** Ghi chú: Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).*